

Số: /BC-UBND

Sơn Tịnh, ngày tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021- 2025 và đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 2188/SYT-CSXH ngày 25/10/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi về việc phối hợp báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021- 2025 và đề xuất Chương trình giai đoạn 2026-2030; UBND xã Sơn Tịnh báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021- 2025 và nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030 như sau:

I. Kết quả thực hiện chương trình giai đoạn 2021-2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a. Công tác chỉ đạo, điều hành

Xã Sơn Tịnh được thành lập theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trên cơ sở hợp nhất xã Tịnh Bình, Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà, có diện tích tự nhiên 59.785 km²; có 42.380 nhân khẩu, thành 01 đơn vị hành chính cấp xã với 19 thôn.

Trong giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở thực hiện các văn bản của cấp trên; UBND xã Sơn Tịnh đã quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật theo Quyết định số 1190/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hằng năm, UBND các xã cũ đã triển khai thực hiện cụ thể các nhiệm vụ, đồng thời phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành và các tổ chức Chính trị - Xã hội của xã để tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn được triển khai thông qua các cuộc họp, hội nghị, sinh hoạt tại thôn, khu dân cư về các chế độ, chính sách đối với người khuyết tật nói riêng, các chế độ an sinh xã hội nói chung để cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân, nhất là các đối tượng bảo trợ xã hội biết, thực hiện đúng theo các chế độ quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

UBND xã đã ban hành một số văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện liên quan đến công tác bảo đảm quyền và hỗ trợ người khuyết tật trên địa bàn. Tuy nhiên, đối với việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện các nội dung liên quan ở cấp xã không ban hành mà chủ yếu được triển khai theo hướng dẫn của cấp trên.

c. Bảo đảm kinh phí thực hiện Chương trình

Kinh phí thực hiện Chương trình trên địa bàn xã chủ yếu từ ngân sách Nhà nước để chi trả trợ cấp hàng tháng và Bảo hiểm y tế cho các đối tượng và nhân các dịp Lễ, Tết,..... để hỗ trợ thêm cho các đối tượng. Tổng kinh phí thực hiện hằng năm khoảng triệu đồng. Ngoài ra, địa phương lồng ghép với các chương trình an sinh xã hội khác nhân các dịp Lễ, Tết... vận động thêm nguồn xã hội hóa từ các tổ chức, doanh nghiệp, nhà hảo tâm để hỗ trợ sinh kế cho người khuyết tật nói riêng và các đối tượng bảo trợ xã hội nói chung.

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu (giai đoạn 2021-2025)

- Nhìn chung, trong giai đoạn 2021-2025 các chính sách liên quan đến người khuyết tật được địa phương thực hiện đảm bảo; công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức các cho cán bộ, đảng viên và cộng đồng về quyền, nghĩa vụ và vai trò của người khuyết tật được nâng lên rõ rệt được phổ biến chính sách về người khuyết tật.

- Tổng số người khuyết tật trên địa bàn hiện đang quản lý 1.167 người, trong đó: 122 người khuyết tật đặc biệt nặng, 895 người khuyết tật nặng và 150 khuyết tật nhẹ.

- Đối với chính sách trợ cấp hàng tháng cho người khuyết tật nặng, đặc biệt nặng được hưởng trợ cấp nhìn chung trước thời điểm sáp nhập được chi trả kịp thời. Tuy nhiên từ tháng 7/2025 đến nay công tác chi trả trợ cấp hàng tháng cho người khuyết tật nói riêng và các đối tượng bảo trợ xã hội nói chung thực hiện chậm do Tỉnh phân bổ kinh phí cho địa phương chưa kịp thời.

- Hỗ trợ về Y tế: 100% người khuyết tật từ mức nặng trở lên đều có thẻ BHYT.

- Về giáo dục: Trẻ em khuyết tật trong độ tuổi đi học được hỗ trợ học tập, hòa nhập.

- 50% người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đúng quy định.

- 100% người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- 100% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật.

- 100% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

- 100% người khuyết tật đủ điều kiện và có nhu cầu vay vốn được tiếp cận nguồn vốn vay giải quyết việc làm.

- Ngoài ra, một số người khuyết tật được hỗ trợ học nghề ngắn hạn để áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên; số lượng còn hạn chế do trình độ, sức khỏe của đối tượng khuyết tật không đảm bảo.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động chính của Đề án

Nhìn chung các hoạt động của Đề án được triển khai đồng bộ, đạt hiệu quả, chính sách trợ giúp đến đúng đối tượng, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người khuyết tật trên địa bàn xã. Tuy nhiên; trong quá trình triển khai Đề án vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Công tác thống kê cập nhật dữ liệu người khuyết tật chưa đầy đủ do có sự thay đổi công chức quản lý khi sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã; đa phần số người khuyết tật trên địa bàn xã có hoàn cảnh khó khăn, sức khỏe yếu, ít tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Đề nghị cấp trên tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2026-2030; Tăng cường tập huấn cho cán bộ cơ sở, hướng dẫn triển khai các mô hình sinh kế, phục hồi chức năng.

4. Nhận xét, đánh giá chung

- Về tính hiệu quả của Chương trình: Trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 được triển khai có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Các chính sách trợ giúp xã hội đã góp phần cải thiện phần nào về đời sống vật chất và tinh thần cho người khuyết tật, làm giảm gánh nặng kinh tế gia đình, giúp đối tượng ổn định và nâng cao chất lượng cuộc sống. Nguồn lực tuy còn hạn chế nhưng được sử dụng tiết kiệm, đúng mục đích, đạt hiệu quả thiết thực. Sự phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể được duy trì tạo sức lan tỏa trong cộng đồng. Nhìn chung chương trình mang lại hiệu quả xã hội tích cực, thể hiện rõ tính nhân văn, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và phát triển bền vững tại địa phương.

- Bài học kinh nghiệm: Sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền là yếu tố quyết định để thực hiện hiệu quả các chính sách trợ giúp người khuyết tật; đồng thời công tác phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể cũng rất cần thiết để thực hiện hiệu quả trong việc tuyên truyền, rà soát và hỗ trợ người khuyết tật; Đẩy mạnh công tác vận động các nguồn lực xã hội hóa để mở rộng các hoạt động hỗ trợ, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước; Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách trợ giúp xã hội đối với người khuyết tật theo quy định.

II. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

1. Thực trạng tình hình

a. Về người khuyết tật

Tổng số người khuyết tật (dự báo): 1440 người. Trong đó:

- Số đã được cấp giấy xác nhận khuyết tật: 1440 người
- Số người khuyết tật đang được hưởng các chính sách trợ giúp (trợ cấp hàng tháng, bảo hiểm y tế: 780 người
- Số người được nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội: 01 người

b. Về đội ngũ cán bộ, chương trình, dự án hỗ trợ hiện có:

- Hiện tại công tác trợ giúp cho người khuyết tật nói riêng và bảo trợ nói chung ở cấp xã do Phòng Văn hoá – Xã hội đảm nhiệm tham mưu và được phân công cho 01 công chức phụ trách lĩnh vực bảo trợ chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu thực hiện các nội dung liên quan.

- Các tổ chức đại diện, tổ chức của người khuyết tật hiện có trên địa bàn: Trước khi sáp nhập, ở cấp huyện có tổ chức Hội Người khuyết tật; tuy nhiên từ 01/7/2025 trên địa bàn xã không còn tổ chức người khuyết tật.

- Các chương trình, dự án hỗ trợ người khuyết tật đang thực hiện trên địa bàn: hiện tại trên địa bàn xã không có chương trình dự án hỗ trợ người khuyết tật.

2. Những vấn đề đặt ra trong vấn đề đảm bảo quyền, hỗ trợ người khuyết tật hiện nay

- Về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về người khuyết tật: Một số quy định pháp luật liên quan đến người khuyết tật còn chồng chéo, chưa thống nhất, đặc biệt là trong việc xác định mức độ khuyết tật, các hướng dẫn chuyên môn còn thiếu tính cụ thể để cấp cơ sở triển khai thực hiện hiệu quả, cơ chế phối hợp giữa các ban, ngành chưa rõ ràng.

- Về nguồn lực: Kinh phí bố trí cho công tác trợ giúp người khuyết tật mới được bố trí để chi trả các khoản trợ cấp hàng tháng, chưa được bố trí nguồn thực hiện cho các dự án, chương trình hỗ trợ người khuyết tật về y tế, việc làm, văn hóa, thể thao, và các hoạt động khác, chủ yếu lồng ghép từ các chương trình an sinh xã hội khác. Cán bộ phụ trách công tác bảo trợ xã hội cấp xã thường kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, dẫn đến khối lượng công việc lớn, chưa có điều kiện chuyên sâu trong lĩnh vực người khuyết tật.

- Việc phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể đôi lúc chưa chặt chẽ; hoạt động hỗ trợ còn mang tính đơn lẻ, chưa hình thành các mô hình trợ giúp lâu dài, bền vững. Công tác thống kê, cập nhật thông tin người khuyết tật chưa được thường xuyên, dẫn đến khó khăn trong việc lập kế hoạch và quản lý đối tượng.

- Một bộ phận người dân vẫn còn định kiến hoặc chưa nhận thức đúng về quyền của người khuyết tật; nhiều người khuyết tật còn mặc cảm, tự ti, hạn chế tham gia các hoạt động xã hội. Việc hỗ trợ hòa nhập, tạo việc làm phù hợp cho người khuyết tật trên địa bàn còn gặp nhiều khó khăn.

3. Nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

- Tiếp tục rà soát, thống kê, cập nhật cơ sở dữ liệu về người khuyết tật trên địa bàn; đảm bảo mọi người khuyết tật đều được cấp giấy xác nhận và hưởng đầy đủ các chính sách theo quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bình đẳng, hòa nhập của người khuyết tật; lồng ghép nội dung hỗ trợ người khuyết tật vào các chương trình giảm nghèo, việc làm, y tế, giáo dục của địa phương.

- Đề nghị cấp trên cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn cụ thể hơn về công tác trợ giúp người khuyết tật, đặc biệt là hỗ trợ sinh kế, tiếp cận

giáo dục, y tế và công trình công cộng; đồng thời tiếp tục quan tâm bố trí kinh phí thực hiện Chương trình trợ giúp Người khuyết tật giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã.

- Có cơ chế đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài địa phương để hỗ trợ sinh kế, phục hồi chức năng, đào tạo nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật.

- Đề xuất các cấp tăng cường hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ cơ sở về công tác quản lý và hỗ trợ người khuyết tật, nhất là trong giai đoạn sau sáp nhập.

Trên đây là Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030; UBND xã Sơn Tịnh báo cáo Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng VH-XH xã;
- PCVP;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Lành

Phụ lục 2
BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
SƠ KẾT 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP
NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2021-2030
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	THỰC TRẠNG			
1	Người khuyết tật		2457	
1.1	Tổng số người khuyết tật (NKT) dự kiến	người	1440	
	<i>Trong đó:</i>			
1.2	Số đã được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật	người	1017	
a)	<i>Trong đó chia theo mức độ khuyết tật</i>			
	Khuyết tật nhẹ	người	150	
	Khuyết tật nặng	người	895	
	Khuyết tật đặc biệt nặng	người	122	
b)	<i>Trong đó chia theo dạng tật</i>			
	Khuyết tật vận động	người	430	
	Khuyết tật nghe và nói	người	187	
	Khuyết tật nhìn	người	98	
	Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người	111	
	Khuyết tật trí tuệ	người	145	
	Khuyết tật khác	người	46	
1.3	Số chưa được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật nhưng đang hưởng các chế độ hỗ trợ khác (thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam...)	người		
1.4	Số NKT được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Người khuyết tật	người		
	<i>Trong đó</i>			
a)	Số đang được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội	người	01	
b)	Số người được trợ cấp xã hội hàng tháng	người	1017	
c)	Số người được cấp thẻ Bảo hiểm y tế	người	780	
2	Đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT			
2.1	Số công chức (cấp xã)	người	1	
2.2	Số viên chức, người lao động trực tiếp tại cơ sở cung cấp dịch vụ hoặc cộng tác viên ở cộng đồng	người	0	
3	Tổ chức đại diện của NKT, chương trình, dự án hỗ trợ			

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
3.1	Số lượng tổ chức đại diện, tổ chức của người khuyết tật hiện có trên địa bàn (trung tâm, câu lạc bộ, hội...)	tổ chức	0	
3.2	Số lượng chương trình, dự án hỗ trợ người khuyết tật đang thực hiện trên địa bàn (bao gồm các CT, DA của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước).	CT, dự án	0	
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN 2021-2025			
1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành			
	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về trợ giúp NKT trong phạm vi quản lý (<i>công văn chỉ đạo, chương trình, kế hoạch....</i>)	văn bản		
2	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật			
2.1	Số buổi truyền thông	buổi		
2.2	Số người tham gia các buổi truyền thông	lượt người		
2.3	Số lượng tài liệu tuyên truyền (panô, áp phích, sổ tay, tờ rơi...) được in ấn, phát hành	tài liệu		
3	Bổ trí kinh phí cho Chương trình			
3.1	Tổng số kinh phí chi cho công tác trợ giúp NKT	triệu đồng		
	<i>Trong đó:</i>			
a)	Từ ngân sách TW	triệu đồng		
b)	Từ ngân sách địa phương	triệu đồng		
c)	Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	triệu đồng		
4	Tập huấn nâng cao năng lực Đội ngũ cán bộ			
4.1	Số lớp tập huấn	người		
4.2	Số cán bộ được tham gia các khoá tập huấn	người		
5	Kết quả thực hiện các hoạt động theo mục tiêu của Chương trình			
5.1	Trợ giúp y tế			
a)	Tỷ trọng người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%		
b)	Tỷ trọng trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật (trong tổng số trẻ khuyết tật)	%		

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
c)	Số trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp	người	63	
5.2	Trợ giúp giáo dục, dạy nghề, việc làm			
a)	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt/trung tâm hỗ trợ giáo dục	cơ sở		
b)	Số trẻ khuyết tật đang học hoà nhập	trẻ em	83	
c)	Số trẻ khuyết tật đang học tại các cơ sở chuyên biệt	trẻ em	20	
d)	Tỷ trọng trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục (trong tổng số trẻ khuyết tật).	%	88,4	
e)	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị phù hợp	cơ sở		
f)	Số người khuyết tật được đào tạo nghề	người		
g)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật	cơ sở		
h)	Số người được giới thiệu việc làm	người		
i)	Số người được vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm	người		
k)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật được vay vốn từ Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm	cơ sở		
l)	Số người được hỗ trợ sinh kế	người		
5.3	Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng và giao thông			
a)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng (<i>trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư</i>) xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình xây mới)	%		
b)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng cũ đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình hiện có)	%		
c)	Tỷ trọng người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)	%		

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
d)	Tỷ trọng người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu).	%	50	
e)	Số lượt người được miễn giảm giá vé khi tham gia giao thông	lượt người	83	
	- Đường bộ	lượt người		
	- Hàng không	lượt người		
	- Đường sắt	lượt người		
5.4	Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai			
a)	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn có đại diện người khuyết tật là thành viên	Xã/phường		
b)	Số người khuyết tật được tham gia các mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật	người		
c)	Số người khuyết tật được nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai thông qua các ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng.	người		
5.5	Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông			
a)	Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông so với tỷ lệ chung cả nước.	%		
b)	Tỷ trọng các tỉnh/thành phố có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật có thể tiếp cận (trong tổng số 34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc)	%		
c)	Tỷ trọng người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)	%		
d)	Tỷ trọng thư viện công cộng cấp tỉnh tổ chức được không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng (trong tổng số thư viện công cộng cấp tỉnh).	%		
5.6	Trợ giúp pháp lý			
a)	Số cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật	người		
b)	Tỷ trọng người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu (trong tổng số người khuyết tật có khó khăn về tài chính)	%		
c)	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	lượt người		

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5.7	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ phụ nữ khuyết tật			
a)	Tỷ trọng gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật (trong tổng số gia đình có người khuyết tật)	%		
b)	Tỷ trọng người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống (trong tổng số người khuyết tật)	%		
c)	Tỷ trọng phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%		
d)	Tỷ trọng các xã có tổ chức của người khuyết tật	%		
e)	Số địa phương có tổ chức (Hội) của người khuyết tật	xã		
f)	Số người khuyết tật tham gia tổ chức (Hội) của người khuyết tật	người		